

1. Đặt vấn đề

Nói về văn hóa, có rất nhiều định nghĩa khác nhau. Trần Ngọc Thêm cho rằng: *“Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội”* [15, tr.20]. Còn theo Giáo sư Phạm Đức Dương thì: *“Văn hóa là tất cả những gì do con người sáng tạo ra (khác biệt với cái tự nhiên) trong quá trình ứng xử với tự nhiên và xã hội”* [3, tr.15]. Căn cứ vào sự tồn tại các dạng thức của văn hóa trên thực tế, UNESCO phân chia các di sản văn hóa thành hai loại: di sản văn hóa vật thể gồm các di sản tồn tại ở dạng vật chất như đình, miếu, đền, chùa, lăng, mộ... và di sản văn hóa phi vật thể gồm các biểu hiện tồn tại ở dạng tinh thần được lưu truyền biến đổi theo thời gian từ thế hệ này sang thế hệ khác, như phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội...

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu văn hóa đều thống nhất văn hóa là một phức thể tổng hợp gồm hai sản phẩm: vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình hoạt động thực tiễn và trải qua các thời kì lịch sử khác nhau. Như vậy, trong nội hàm ý nghĩa khái niệm về văn hóa trong địa danh ở Đồng Nai có các yếu tố thuộc về văn hóa vật thể và phi vật thể.

Theo Từ Thu Mai, văn hóa của mỗi con người, mỗi một vùng quê đều được tiềm ẩn bên trong và được thể hiện ra bên ngoài ở ba phương diện văn hóa chính là phương diện văn hóa sinh hoạt, phương diện văn hóa sản xuất và phương diện văn hóa vũ trang. Vì vậy, khi nghiên cứu những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa của địa danh phải quan tâm đến sự thể hiện của ba phương diện văn hóa này [9, tr.137].

Ngôn ngữ và văn hóa có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ và phát triển trong sự tác động qua lại lẫn nhau. Ngôn ngữ là một trong những thành tố đặc trưng nhất của bất cứ nền văn hóa dân tộc nào. Chính trong ngôn ngữ, đặc điểm của nền văn hóa dân tộc được lưu giữ lại rõ ràng nhất [17, tr.21].

Địa danh luôn phát triển trong không gian và theo thời gian. Đặc thù của nó là gắn với tính liên tục của văn hóa. Trên một vùng địa lí có nhiều tộc người sinh sống

thì sẽ có những biểu hiện đan xen của các nền văn hóa khác nhau và sự khác nhau này sẽ được phản ánh vào địa danh của vùng đó.

Nghiên cứu về đặc trưng văn hóa - ngôn ngữ thể hiện qua địa danh, trước đó đã có một số công trình đề cập đến như luận án tiến sĩ ngữ văn của Từ Thu Mai (*Nghiên cứu địa danh Quảng Trị*, 2004), luận án tiến sĩ ngữ văn của Trần Văn Dũng (*Những đặc điểm chính của địa danh ở Dak Lăk*, 2004)... Tuy nhiên, qua đó thấy rằng, những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa được biểu hiện ở các mức độ khác nhau trong các địa danh thuộc các vùng miền khác nhau.

Tìm hiểu một vài đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa trong địa danh ở Đồng Nai nghĩa là xem xét địa danh đã phản ánh những đặc điểm của văn hóa như thế nào và các hiện tượng văn hóa được thể hiện ra sao qua các địa danh.

Bài viết này được phát triển dựa trên bài luận văn tốt nghiệp thạc sĩ năm 2009 của chính tác giả. Vì vậy, chúng tôi sử dụng lại 3019 địa danh đã sưu tầm để làm đối tượng nghiên cứu. Đó là các địa danh chỉ địa hình, địa danh hành chính, địa danh chỉ công trình xây dựng và địa danh vùng được đặt bằng tiếng Việt và tồn tại trên địa bàn chủ yếu có người Việt sinh sống. Bài viết trình bày các đặc trưng văn hóa thể hiện trong địa danh ở Đồng Nai qua các mặt: danh từ chung và thành tố chung, nguồn gốc ngôn ngữ, các dạng tồn tại của văn hóa và các phương diện văn hóa: sinh hoạt, sản xuất, vũ trang.

2. Đặc trưng văn hóa thể hiện qua các danh từ chung và thành tố chung của địa danh

2.1. Danh từ chung và thành tố chung

Danh từ chung chứa đựng thông tin về loại hình của địa danh, dùng để chỉ những địa danh cùng một loại, cùng một thuộc tính. Ví dụ: *ấp, huyện, khu...*; *hồ, núi, sông, suối...*; *cầu, chợ, lâm trường, công viên...*

Thành tố chung là những từ, ngữ có hiện tượng lặp lại, tương tự nhau trong toàn bộ địa danh, được nhân dân quen dùng để tạo địa danh. Chúng nằm ở thành tố đầu của địa danh, được thể hiện bằng một từ đơn tiết hay đa tiết có thể có một nghĩa hoặc nhiều ý nghĩa khác nhau. Thành tố chung chia làm hai loại: loại đã chuyên hóa

từ danh pháp địa lý sang (như *sông, suối, hồ, bầu...*) và loại được lặp đi lặp lại nhiều lần đứng ở đầu tên riêng.

Như vậy thì trong tên riêng có cả thành tố chung vốn là danh pháp địa lý đã chuyển hóa. Ví dụ: một số hồ như *Suối Bí (TN), Suối Chà (XL), Suối Mơ (ĐQ), Suối Gia Đức (TB)*... có thành tố chung “Suối” đã được riêng hóa [2, tr.52 - 56].

2.2. Sự phản ánh địa - văn hóa qua các danh từ chung và thành tố chung

Danh từ chung có vai trò quan trọng trong việc cung cấp những cứ liệu cần thiết để tìm hiểu đặc trưng địa - văn hóa của mỗi vùng đất. Với 73 danh từ chung chỉ các đối tượng về loại hình của địa danh, chúng ta thấy được bức tranh địa hình Đồng Nai với những màu sắc văn hóa của địa bàn.

Trong 3019 địa danh, có 147 con suối (*suối Bà Lúa - BH, suối Cát - XL...*), 63 con sông (*sông Ba Gioi - NT, sông Thao - TN...*), 58 con rạch (*rạch Bà Kí - LT, rạch Lái Bong - BH...*), 54 hồ (*hồ Suối Mơ - TP, hồ Trị An - VC...*), 18 thác (*thác Giang Điền - TB, thác Ba Giọt - ĐQ*)...; 55 núi (*núi Mây Tào - XL, núi Đầu Tây - TXLK...*), 13 đồi (*đồi Củ Chụp - VC, đồi Rìu - TXLK...*), 11 cù lao (*cù lao Giấy - NT, cù lao Phổ - BH...*), 4 đảo (*đảo Ó - VC, đảo Dừa Lửa - NT...*), 6 rừng (*rừng Nam Cát Tiên - ĐQ, rừng Sác - NT*)...; 791 ấp (*ấp An Viễn - LT, ấp Bàu Sen - TXLK*), 189 khu phố (*khu phố Bình Dương - BH, khu phố Xuân An 1 - TXLK...*), 136 xã (*xã Mã Đà - VC, xã Trà Cổ - TP...*), 29 phường (*phường Hồ Nai - BH, phường Phú Bình - TXLK*), 9 huyện (*huyện Cẩm Mỹ, huyện Tân Phú...*)...; 284 đường (*đường Bàu Tràm - TXLK, đường Huỳnh Văn Nghệ - BH...*), 253 cầu (*cầu Hóa An - BH, cầu Chôm Chôm - TB...*), 221 chợ (*chợ Cây Gáo - TB, chợ Việt Kiều - XL...*), 91 đập (*đập Cây Chanh - LT, đập Suối Dê Chạy - VC...*), 21 nông trường (*nông trường An Viễn - TB, nông trường Ông Quế - CM...*), 17 cảng (*cảng Thị Vải - NT, cảng Gò Dầu A - LT...*), 9 lâm trường (*lâm trường Hiếu Liêm - VC, lâm trường 600 - TP...*); 29 khu công nghiệp (*khu công nghiệp Amata - BH, khu công nghiệp Loteco - BH*)...

Nhiều danh từ chung chỉ địa hình được chuyển hóa vào địa danh như “Giồng, Cù Lao, Kênh, Hồ, Vũng...”, nhưng chủ yếu là các yếu tố sau: “Sông, Suối, Rạch”.

Ví dụ: *xã Suối Trầu (TB), ấp Suối Lúc (CM), cầu Sông Ray (XL), xã Sông Nhạn (CM), sông Rạch Đông (VC), ấp Rạch Chiềc (LT)...*

Trong địa danh chỉ địa hình, các yếu tố chỉ nước “Đak/ Dak” thuộc tiếng Stiêng, “Đa/ Đar/ Da/ Dar” thuộc tiếng Koho, “Gia” thuộc tiếng Gia Rai chiếm khá nhiều. Ví dụ: *hồ Đa Guy, hồ Đa Tôn, hồ Gia Ui, hồ Gia Ray, sông Da Kiot, sông Gia Lào, sông Da Kinh De, sông Dak Bon Rê, suối Đa Kín, suối Đak Lua...*

Những con số này cho thấy Đồng Nai là một vùng đất có khá nhiều sông, suối, kênh rạch và địa hình thiên nhiên tương đối bằng phẳng. Nghề nghiệp chủ yếu của người dân nơi đây là nông nghiệp và phát triển thương nghiệp. Họ định cư, sinh sống trong các tổ chức thành phố - huyện - xã - ấp.

3. Đặc trưng văn hóa dân tộc trong định danh thông qua nguồn gốc ngôn ngữ

Trong 3019 địa danh ở Đồng Nai, có 1267 địa danh thuần Việt (chiếm 41,97%), 1752 địa danh không thuần Việt (chiếm 58,03%).

3.1. Đối với địa danh thuần Việt

Địa danh có nguồn gốc thuần Việt có mặt trong các loại hình địa danh. Nếu không tính những địa danh là số đếm thì địa danh thuần Việt chủ yếu xuất hiện trong địa danh chỉ địa hình (481 địa danh, chiếm 15,93%). Loại địa danh thuần Việt mang tính dân dã, gần gũi, dễ thấy dễ đặt tên, phù hợp với tính cách chân chất của người dân Nam Bộ, thể hiện lối tư duy trực quan, lối định danh cụ thể, nghĩa là nhận thức như thế nào thì phản ánh và gọi tên như thế đó. Các đối tượng được người dân chọn đặt địa danh nhiều nhất là tên cây cỏ (216 địa danh như *đồi Củ Chụp, hồ Lá Buông, suối Săng Máu, ấp Cọ Dầu...*), tên động vật (69 địa danh như *núi Ngựa, rạch Cá, cầu Vạc, đảo Ó...*), các vật thể tự nhiên và các yếu tố khác (196 địa danh như *rạch Sỏi, suối Đá, vàm Vôi, suối Cát...*). Những địa danh này vừa phản ánh đặc điểm địa lý tự nhiên của vùng đồng bằng Nam Bộ trù phú có nhiều cây cối, sản vật; vừa biểu hiện ý thức dân tộc trong cách định danh - một nét văn hóa Việt trong cộng đồng người Việt ở Đồng Nai khi xây dựng vùng đất mới.

Các yếu tố thuần Việt này thường mang tính đơn nghĩa, dễ hiểu. Ví dụ: *suối Cầu Vạc (Long Thành)* là chiếc cầu mà ngày xưa vạc đi ăn đêm thường đậu nơi đây.

Dưới cầu có một dòng suối chảy qua nên gọi là suối Cầu Vạc. Gọi là gò *Chiêu Liêu* (*Nhon Trạch*) vì trước đây trên gò có nhiều cây Chiêu Liêu mọc, một loại cây gỗ lớn, họ Bàng, cao tới 30 mét. *Hòn Ba Chồng* (*Định Quán*) còn gọi là Đá Ba Chồng hay Đá Chồng, được tạo nên bởi ba hòn đá nằm chồng lên nhau khá chông chênh, độ cao hơn 36 mét so với mặt đường...

3.2. Đối với địa danh Hán Việt

Loại địa danh được cấu tạo bằng các yếu tố Hán Việt chiếm tỉ lệ lớn nhất (37,53%), phân bố chủ yếu trong địa danh hành chính. Các yếu tố Hán Việt xuất hiện ở đầu tên riêng trong địa danh hành chính ở Đồng Nai chiếm tỉ lệ cao đều là những thành tố chung như *Tân, Bình, An, Long, Phú, Phước, Quảng, Thanh...* Trong đó, yếu tố *Tân* (mang nghĩa là *mới*) được sử dụng nhiều nhất với 105 địa danh, tiếp theo là các yếu tố *Bình, An, Phú, Phước...* Nếu địa danh hành chính ở Bắc Bộ và Trung Bộ thể hiện sự mong mỏi sống trong một vùng đất bền vững, lâu dài thì địa danh Nam Bộ đánh dấu một vùng đất mới. Vì vậy, người dân thường sử dụng từ Hán Việt để đặt địa danh để qua đó gửi gắm những ước mơ, nguyện vọng của mình khi bắt đầu cuộc sống mới trên vùng đất Đồng Nai. Dần dần, cách đặt địa danh này trở thành thói quen của con người khiến cho số lượng các yếu tố Hán Việt trong địa danh ở Đồng Nai ngày càng nhiều. Qua đây thấy được sự ảnh hưởng lớn về mặt ngôn ngữ - văn hóa của nước Trung Hoa đối với Việt Nam. Các địa danh thể hiện ước mơ bình an chẳng hạn như: *phường An Bình, phường Hòa Bình, khu phố Thái Hòa, thành phố Biên Hòa...*; hay thể hiện nguyện vọng giàu có: *ấp Hưng Long, ấp Thọ Lộc, ấp Quảng Lộc, xã Phú Túc...*; ước muốn đổi đời: *phường Tân Phong, phường Tân Mai, huyện Tân Phú, ấp Tân Thành...*

Như vậy, cách đặt tên và sản phẩm của nó bao giờ cũng mang dấu ấn văn hóa và ngôn ngữ của người đặt tên và người sử dụng tên.

3.3. Đối với địa danh khác

Loại địa danh có nguồn gốc khác (không kể địa danh cấu tạo bằng các yếu tố Hán Việt) bao gồm: địa danh có nguồn gốc hỗn hợp (chiếm 14,08%) phân bố chủ yếu trong địa danh chỉ công trình xây dựng và địa danh hành chính. Ví dụ: *xã Lộ 25*,

cầu Kênh Xáng, đập Vũng Gấm... Những địa danh thuộc các ngôn ngữ dân tộc thiểu số (chiếm 4,93%) gồm có các ngôn ngữ bản địa (Mạ, Stiêng, Koho, Chơ ro) và các ngôn ngữ dân tộc ít người khác (Ba Na, Mnông, Khmer, Chăm...). Ví dụ: *suối Bà Rá (Stiêng), sông La Ngà (Koho), núi Chúa Chan (Chăm), xã Tà Lài (Khmer), sông Da Chanh, sông Da Dam (Ba Na, Mnông)*... Một số địa danh chưa xác định được nguồn gốc (chiếm 1,26%), ví dụ: *hồ Cản Đu, suối Ram*... Và cuối cùng là một số ít địa danh vay mượn từ tiếng Pháp và tiếng Mã Lai (chiếm 0,23%) như *ấp Cáp Rang* (tiếng Pháp, phiên âm từ *Caporal*, nghĩa là viên cai), *thành Săng Đá* (tiếng Pháp, phiên âm từ *Soldat* nghĩa là “lính”, đây là thành của lính Pháp); *ấp Cù Lao* (tiếng Mã Lai, *Pulaw* nghĩa là cồn, đảo).

Những địa danh kiểu này đều được xử lý cho phù hợp với bức tranh ngôn ngữ về thế giới của tiếng Việt. Chẳng hạn, trong địa danh *nông trường Cà Phê Châu Thành (CM)* thì *Cà Phê* vốn được Việt hóa bằng con đường phiên âm từ *café [kafɛ]* theo mẫu một dãy từ mà tưởng rằng chúng thuộc cùng một loại cấu tạo như nhau: *cà chua, cà pháo, cà dái dê, cà gai, cà bát*... Cấu trúc của từ gốc này là cấu trúc một hình vị cấu tạo từ gồm hai âm tiết và các âm tiết đó không thể tách khỏi nhau để hoạt động độc lập. Nhưng đối với tiếng Việt, điều này hoàn toàn có thể. Trước hết, từ gốc này được phân chia thành những âm tiết tách rời và thêm thanh điệu cho phù hợp: *cà* và *phê*. Đó là sự Việt hóa trên bình diện ngữ âm và chữ viết. Còn trên bình diện ngữ pháp, người Việt cũng dễ dàng tách các âm tiết của *café* theo vài cách khác nhau như: *cà phê cà pháo, cà cà phê phê gì, cà phê cà phê*... Rõ ràng, “cà” và “phê” là hai âm tiết vô nghĩa nhưng trong những trường hợp trên thì chúng lại có một ý nghĩa ngữ dụng nào đó, ví dụ như thái độ tiêu cực về việc uống cà phê... Vì lý do đó, các từ ngoại lai du nhập từ tiếng Ấn Âu (chủ yếu là tiếng Pháp) có thể hoạt động không khác gì một từ thuần Việt.

Một ví dụ khác, trong các địa danh hành chính như *ấp Tân Bản (BH), ấp Tân Bình (TB), xã Tân An (VC)*... ta thấy yếu tố “tân” được dùng với nghĩa là “mới”, trong khi từ Hán Việt này vốn có hơn 20 nghĩa khác nhau. Tương tự như vậy, nhiều

địa danh mang yếu tố *binh* (yên ổn), *an* (bình an), *phú* (giàu có)... vốn có nhiều nghĩa nhưng trong cấu tạo địa danh, thường nó chỉ giữ lại một vài nghĩa nào đó.

Như vậy, nếu định danh bằng yếu tố thuần Việt thì các yếu tố này thường mang tính bình dân mộc mạc có ý nghĩa phản ánh những tri nhận cụ thể về các sự vật, hiện tượng được định danh. Nếu định danh bằng các yếu tố Hán Việt thì các yếu tố này thường mang tính chất “học thuật”, phản ánh tâm lí, nguyện vọng của người định danh gửi gắm qua tên gọi các đối tượng địa lí. Còn nếu sử dụng các yếu tố vay mượn để định danh thì các yếu tố này thường được Việt hóa và chịu sự chi phối của hệ thống ngữ âm - ngữ pháp tiếng Việt. Các kiểu định danh này tạo nên tính tầng bậc, tính đan xen của địa danh - văn hóa trong sự phát triển của địa danh ở Đồng Nai. Bên cạnh đó, những địa danh có nguồn gốc khác phản ánh sự có mặt, sự giao thoa giữa các nền văn hóa thuộc các dân tộc khác nhau ở Đồng Nai.

4. Sự thể hiện các dạng tồn tại của văn hóa trong địa danh

Văn hóa vật thể và phi vật thể là sự thể hiện các dạng tồn tại của văn hóa trong địa danh. Đồng Nai là vùng đất chịu nhiều ảnh hưởng của các nền văn hóa trong khu vực và quốc gia khác. Địa danh ở Đồng Nai cũng phản ánh sự tồn tại của văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể.

4.1. Đặc trưng văn hóa của địa danh ở Đồng Nai được phản ánh qua sự tồn tại của văn hóa vật thể

Sự tồn tại của các di sản văn hóa vật thể trong địa danh được thể hiện rải rác ở các loại hình địa danh khác nhau thông qua các thành tố như *Đình*, *Chùa*, *Miếu*, *Miền*, *Am*, *Nhà Thờ*. Trong đó, có 3 địa danh mang yếu tố “Chùa” (*hồ Núi Chùa - BH*, *đường Chùa Gia Lào - XL*, *suối Chùa - BH*), 2 địa danh mang yếu tố “Miếu” (*trạm bơm Miếu Vạn - VC*, *dốc Miếu Quan Âm - XL*), 2 địa danh mang yếu tố “Nhà Thờ” (*ngã ba Nhà Thờ - VC*, *rạch Nhà Thờ - BH*), 1 địa danh mang yếu tố “Miếu” (*ấp Miếu - LT*), 1 địa danh mang yếu tố “Am” (*chợ Hội Am - BH*), 1 địa danh mang yếu tố “Đình” (*ấp Bến Đình - NT*)).

Đồng Nai có khá nhiều chùa, đình, miếu, tuy nhiên, các di sản văn hóa vật thể này lại không được người dân sử dụng nhiều để đặt tên cho các địa danh ở Đồng

Nai. Đó là do tư duy định danh các đối tượng địa lí của người dân Đồng Nai chủ yếu dựa vào các sự vật, hiện tượng thiên nhiên gần gũi với đời sống con người như động thực vật; hay thường sử dụng tên người...

Tuy số lượng những địa danh này không nhiều nhưng cũng phần nào ghi lại dấu vết các di sản văn hóa đã từng tồn tại ở đất Đồng Nai.

4.2. Đặc trưng văn hóa của địa danh ở Đồng Nai được phản ánh qua sự tồn tại của văn hóa phi vật thể

Về mặt văn hóa phi vật thể, địa danh ở Đồng Nai phần lớn được thể hiện thông qua dấu ấn của tín ngưỡng và tôn giáo trong địa danh, cũng như tâm lí, nguyện vọng của con người về cuộc sống, về quê hương.

a. Đối tượng của tín ngưỡng trong địa danh ở Đồng Nai được thể hiện ở tâm lí linh thiêng hóa một nhân vật, một đối tượng nào đó mà cư dân Đồng Nai gửi vào đó đức tin của mình. Chẳng hạn quan niệm tín ngưỡng về bốn con vật *Long, Lân, Quy, Phụng* vốn là những con vật linh thiêng trong thần thoại Trung Quốc với những đặc tính xuất chúng. *Long* (rồng) thường được mượn danh dùng cho các bậc đế vương, tượng trưng cho uy quyền. *Lân* là con vật đại diện cho sự thanh bình. *Quy* (rùa) đại diện cho tướng quý, sống thọ. *Phụng* (phượng hoàng) thì đại diện cho hạnh phúc lứa đôi. Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng từ quan niệm này của nước bạn.

Đất Đồng Nai được ví như vùng đất địa tứ linh bao gồm có bốn con vật như trên. Vì vậy, một số địa danh ở Đồng Nai phản ánh khá rõ nét ý nghĩa tín ngưỡng này như *núi Bửu Long* (rồng quý), *hồ Long Ẩn* (xuất xứ từ hình thể Long bàn, ẩn trong chòm núi Bửu Phong); địa danh *Lân Thành* nay thuộc phường Tân Tiến - BH, do thế đất nên được đặt ra, do Lân mà thành; *núi Quy* (có hình dáng của con rùa), *cầu Phụng Kiều*...

Trong địa danh, dấu ấn của tín ngưỡng còn được thể hiện qua tâm lí thờ các vị anh hùng dân tộc, những người có công trong việc chống giặc ngoại xâm. Địa danh Đồng Nai cũng thể hiện rõ nét tín ngưỡng này qua hàng loạt các địa danh chỉ công trình xây dựng mang tên người: *đường Hai Bà Trưng, đường Nguyễn Hữu Cánh, đường Ngô Quyền, chợ Nguyễn Huệ, công viên Nguyễn Văn Trị*...

b. Về ý nghĩa tôn giáo, Đồng Nai hội tụ nhiều tôn giáo lớn ở trong nước: Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo. Trong đó có số lượng đông nhất là các tín đồ Thiên Chúa giáo, chiếm 34, 81%, tập trung nhiều nhất ở Biên Hòa, Hồ Nai, Gia Kiệm; và đứng hàng thứ hai là Phật giáo, chiếm 29,7% dân số toàn tỉnh.

Thiên Chúa giáo có ảnh hưởng rất lớn đến cư dân trên địa bàn. Điều này được minh chứng qua 106 giáo xứ đang tồn tại ở Đồng Nai (*giáo xứ Gia Cốc, giáo xứ Kẽ Sắt, giáo xứ Sài Quất, giáo xứ Phúc Hải...*) và một số địa danh phản ánh sinh hoạt của tôn giáo này (*rạch Nhà Thờ, ngã ba Nhà Thờ, giáo xứ Đức Mẹ...*).

Tuy nhiên, mặc dù tín đồ Thiên Chúa giáo có số lượng đông nhưng trong địa danh ở Đồng Nai lại có nhiều thành tố chung chỉ loại đối tượng mang tín ngưỡng dân gian Việt Nam được chuyển hóa vào địa danh như *chợ Hội Am, ấp Miếu, ấp Bến Đình, núi Chùa, suối Chùa, đường Chùa Bửu Long, dốc Miếu Quan Âm...* Như vậy, Phật giáo cũng đã có sức chi phối lớn đối với đời sống tinh thần của cư dân trên địa bàn và là một nét văn hóa tâm linh quý báu.

c. Những biểu hiện của di sản văn hóa phi vật thể còn được thể hiện qua tâm lí kiêng kỵ trong địa danh

Trong địa danh ở Đồng Nai có hai hiện tượng kiêng kỵ là kiêng gọi tên những con vật được coi là thiêng liêng, có ảnh hưởng, đe dọa đến cuộc sống của con người và kiêng húy hoàng tộc. Tâm lí kiêng kỵ là một trong những sự biểu hiện văn hóa ứng xử của con người Việt Nam.

Lí do con người thường dùng tên khác để gọi tên những con vật được coi là linh thiêng vì người dân tin rằng làm như vậy sẽ giúp họ có cuộc sống tốt hơn, tránh những điều rủi ro. Bởi vì, khi đến vùng Đồng Nai khai phá, con người gặp nhiều thú dữ đe dọa, đặc biệt là cọp, sấu và voi. Con người, một mặt tiêu diệt chúng, mặt khác lại “sợ” chúng. Cho nên, họ xem những con vật ấy là những con vật có tính thần thánh, ma quái, ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Chẳng hạn, thay vì gọi là con voi, người dân lại sử dụng các từ “Bò” hoặc “Tượng” để chỉ con vật này: *núi Bò (ĐQ), núi Tượng (TP)....* Trong *rạch Ông Kèo (NT)*, từ *Kèo* nghĩa là chuyên kèo (lôi)

người đi ghe xuống té xuống sông để ăn thịt. Người ta dùng từ *Ông* đi trước để thể hiện thái độ kiêng dè, đề cao đối với một con vật to lớn, hung dữ như cạp và cá sấu ở chốn sơn lâm và vùng sông nước [2, tr.114].

Sự kiêng kỵ ở đây còn thể hiện ở kiêng húy hoàng tộc và các gia tộc quan lại để tránh phạm húy đến các bậc bề trên. Đây là một hiện tượng phổ biến trong thời kì phong kiến và người Việt đã chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Hán trong cách đặt địa danh. Chẳng hạn nói “phúc” (Nguyễn Phúc Ánh) thành “phước”: *ấp Phước Hòa (LT), xã Phước Khánh (NT)...*; “kính” (Nguyễn Hữu Kính) thành “cảnh”: *đường Nguyễn Hữu Cảnh (BH)...*; “bảo” (Trương Tiến Bảo) thành “bửu”: *phường Bửu Hòa, phường Bửu Long (BH)...*

5. Sự thể hiện các phương diện văn hóa trong địa danh ở Đồng Nai

Các phương diện văn hóa trong địa danh đó chính là văn hóa sinh hoạt, văn hóa sản xuất và văn hóa vũ trang.

5.1. Sự thể hiện của phương diện văn hóa sinh hoạt

Văn hóa sinh hoạt được thể hiện qua những địa danh phản ánh cách lựa chọn vị trí quần cư, lập làng của người dân Đồng Nai.

Ở Đồng Nai, người Châu Ro, Mạ, Stiêng được xem là cư dân bản địa. Dân cư ở Đồng Nai bao gồm nhiều thành phần dân tộc, người Việt và các dân tộc khác. Đó là kết quả của quá trình hợp cư bởi các đợt di dân qua các thời kì. Người miền Trung, miền Bắc vào Đồng Nai mang theo những phong tục tập quán quê mình, đến vùng đất mới giao lưu với người Hoa và chịu tác động của các nhân tố Âu hóa khiến cho đời sống văn hóa của cư dân ở Đồng Nai mang nhiều màu sắc. Quá trình hình thành dân cư như vậy khiến cho làng xã ở Đồng Nai khác với làng xã ở Bắc bộ.

Làng ở Đồng Nai phân bố theo tuyến sông nước, tuyến lộ giao thông và tỏa rộng ở các vùng cao ráo gần với nhiều hệ sinh thái: sông nước, vườn ruộng, núi rừng, không khép kín trong lũy tre làng, tổ chức hành chính - xã hội đơn giản, dễ tiếp nhận thành viên mới...

Như đã trình bày ở trên, Đồng Nai có khá nhiều sông, rạch. Vì vậy, khi con người đến đây khai hoang lập ấp ở vùng đất mới, họ đã chọn cho mình những nơi

thuận tiện để sinh sống, làm ăn. Đó không phải rừng hoang với nhiều hiểm nguy mà chính là địa bàn cù lao, gò, giồng, ven sông rạch, nơi có nguồn nước để tưới tiêu, phù hợp với điều kiện và trình độ sản xuất nông nghiệp của nhân dân Việt Nam. Đây được xem là loại hình cư trú phổ biến của cư dân Việt ở Đồng Nai. Theo số liệu khảo sát, hiện tại Đồng Nai có 11 cù lao, 1 giồng và 3 gò. Ngoài ra còn có khá nhiều cái tên cù lao, gò, giồng đã được chuyển hóa vào địa danh như *khu du lịch Cù Lao Phố (BH)*, *khu du lịch Cù Lao Giầy (NT)*, *khu du lịch Cù Lao Ba Xê (BH)*, *ấp Giồng Ông Đông (NT)*, *núi Gò Dập (VC)*, *tổ Gò Đá (NT)*...

Có phần khác với các đô thị ở Hà Nội, Huế hay Hội An... các đô thị ở miền Nam tuy bước đầu hình thành mang tính chất là trung tâm chính trị - hành chính - quân sự nhưng không thể thiếu yếu tố là trung tâm kinh tế. Có thể nói tính chất chủ yếu của đô thị Nam Bộ là thương mại và dịch vụ, là những “đô thị sông nước” với các bến - chợ nổi tiếng, có hàng hóa phong phú, có sự giao lưu trao đổi buôn bán tấp nập [5]. Đồng Nai cũng có nhiều bến - chợ khác nhau.

Do Đồng Nai có vị trí giao thông thuận lợi bằng đường sông nên ở đây đã hình thành các bến. Ban đầu bến là chỗ có đủ điều kiện thuận tiện cho thuyền ghe ghé vào bờ. Sau, bến chỉ chỗ nhiều ghe thuyền thường xuyên đậu lại do yêu cầu chuyên chở, lên xuống hàng. Về sau, các bến dần được quản lý và được dựng lên. Ví dụ: *bến Giồng Sắn (NT)*, *bến Muồng Điều (NT)*, *bến đò Kho (BH)*, *bến đò Trạm (BH)*, *bến đò Bình Thới (VC)*, *bến phà 107 (ĐQ)*...

Còn về chợ búa, thì theo *Đại Nam nhất thống chí*, vào giữa thế kỉ XIX, Nam Bộ có 93 chợ lớn nhỏ, trong đó hai tỉnh có nhiều chợ nhất là tỉnh Biên Hòa (19 chợ) và tỉnh Vĩnh Long (19 chợ). Sở dĩ có nhiều chợ vì trước đây, thương cảng Cù lao Phố hoạt động sầm uất, là trung tâm giao dịch với giao thông thuận tiện nên nhiều các lái tập trung ở đây, đi thu mua ở từng địa phương hay rải rác ở những điểm khác, từ đó hình thành nên các chợ. Một số chợ được hình thành rất sớm và khá trù mật như *chợ Đồng Nai*, *chợ Bến Cá*, *chợ Lò*, *chợ Đò*, *chợ Đồng Môn*... thuộc trấn Biên Hòa [7, tr.90]. *Chợ Bến Cá (VC)* nơi tập kết các loại cá và cá đặc sản còn tươi sống được rộng trong các ghe bầu từ các tỉnh miền Tây mang lên đây bán và cá ở đây là

cá nước ngọt. Còn *chợ Bến Gõ (LT)* trước kia là bến chở gỗ lát... Hiện nay, còn có chợ tự phát vào buổi chiều để phục vụ cho nhu cầu công nhân đi làm về như *chợ chiều Bàu Hàm (TN)*, *chợ chiều Cầu Xéo (LT)*, *chợ chiều Phú Bình (TP)*; hay *chợ đêm Biên Hùng (BH)*... Chúng tôi tìm thấy được trên địa bàn Đồng Nai có 221 chợ. Ví dụ: *chợ Bửu Long (BH)*, *chợ Cây Gáo (TB)*, *chợ Dốc Mơ (TN)*... Đây cũng là một nét văn hóa sinh hoạt của người dân Đồng Nai.

Như vậy, cư dân bản địa và cư dân Việt ở Đồng Nai đã tập trung thành các xóm làng sống và sinh hoạt ở vị trí ven sông rạch với nhiều ngành nghề khác nhau.

5.2. Sự thể hiện của phương diện văn hóa sản xuất

Cơ sở kinh tế - xã hội của Đồng Nai là nền nông nghiệp đa hệ sinh thái: biển - sông rạch - vườn ruộng - bán sơn địa với nền thương nghiệp phát triển khá sớm.

Do đặc điểm của môi trường tự nhiên có nhiều sông rạch bao quanh cho nên nghề nghiệp chính của cư dân Đồng Nai buổi đầu lập làng đó chính là nghề làm nông với nền văn minh lúa nước. Đây là phương diện văn hóa sản xuất phản ánh đặc trưng chung của văn hóa Đông Nam Á.

Dấu hiệu của nền văn minh lúa nước được nhận thấy qua các địa danh ở Đồng Nai. Chẳng hạn, những địa danh ghi lại công trình dẫn thủy tưới tiêu phục vụ cho nghề trồng lúa là: *322 hồ, sông, suối, rạch, 91 đập, 25 trạm bơm, 12 kênh, 6 đường thủy*... Các công trình thủy lợi đan xen với ruộng đồng kênh mương tạo nên dấu hiệu nền văn minh lúa nước trong cảnh quan Đồng Nai.

Số lượng địa danh mang tên cây trồng xuất hiện ở nhiều loại địa hình trong địa danh của Đồng Nai: *núi Le, cầu Rạch Bàng, khu Cam Xe, nông trường Cà Phê Châu Thành, cầu Chôm Chôm, cầu Chùm Bao*... Và một số địa danh có chứa yếu tố “đồng”, “ruộng” xuất hiện rải rác ở các loại hình địa danh: *đảo Đồng Trường, núi Đồng Bắc, sông Đồng Tranh, sông Đồng Nai, suối Đồng Hươu, cầu Đồng Tràm; đập Ruộng Lớn, ấp Ruộng Hời* (ruộng của người Hời, tức người Chăm), *ấp Ruộng Tre*... cũng cho thấy dấu ấn của nền văn minh nông nghiệp.

Yếu tố văn hóa sản xuất còn được thể hiện qua những địa danh có liên quan đến làng nghề. Những địa danh ghi lại các làng nghề thường gặp trong tên các đơn vị dân cư và một số tên địa hình tự nhiên.

Nghề làm gốm là nghề truyền thống ở Biên Hòa. Gọi là làng nghề, bởi vì nghề được tập trung quy mô trong một khu vực dân cư rộng. Có nghĩa là cả một làng cùng làm một nghề. Lúc đầu nghề gốm chỉ bó hẹp trong phạm vi nhỏ của cộng đồng, người dân thuộc các xóm ấp làm ra những vật dụng phục vụ cho cuộc sống hàng ngày. Dần dần nghề gốm phát triển mạnh khi thương cảng cù lao Phố hoạt động sầm uất. Nét độc đáo trong sản phẩm gốm ở đây chính là sự kết hợp hài hòa và sinh động giữa gốm truyền thống và gốm hiện đại, Đông và Tây. Đó là kết quả của sự giao lưu văn hóa. Hiện nay, ở Đồng Nai, chủ yếu là thành phố Biên Hòa vẫn còn lưu giữ những địa danh phản ánh các làng nghề truyền thống, và nhiều ngành nghề khác từng một thời “làm mưa làm gió” cả một vùng Nam Bộ: *rạch Lò Gốm (BH)*, dọc con rạch có các lò gốm của người Chăm, Việt, Hoa ra đời trước năm 1698), *chợ Rạch Lò Gốm (BH)* (có lẽ là chợ bến, nơi ghe xuồng đến mua lu, hũ, trã, trách... mà ngày nay quanh đó còn lưu lại nhiều dấu tích của gạch xây lò và các mảnh vỡ), *bến Đá (BH)* (đây là nơi ngày trước ghe thuyền khắp xứ Nam Kỳ đến đây mua đá. Đá này góp phần xây thành đắp lũy sáu tỉnh thời nhà Nguyễn, và góp phần xây dựng các kiến trúc khác, kể cả ở vùng đồng bằng sông Cửu Long), *chợ Chiêu (BH)*, *chợ Bến Cá (VC)*, *chợ Bến Gỗ (LT)*. Ngoài ra còn có: *chợ Lò Bò (BH)*, *xóm Mạch Nha (BH)*, *xóm Lò Nồi (BH)*, *xóm Lò Heo (BH)*, *rạch Lái Bong (BH)*, *núi Lò Gạch (BH)*. Các địa danh: *xóm Lò Than (nay thuộc khu phố 3, phường Trung Dũng, ấp Lò Than (CM)* cho biết Biên Hòa xưa có nhiều rừng, nghề hầm than là một nghề phát triển hồi đó. Hiện nay những làng nghề truyền thống này vẫn còn tồn tại và phát triển theo thời gian. Điều này cho thấy, văn hóa cũ vẫn được giữ gìn và bảo lưu, đồng thời con người cũng luôn tiếp cận cái mới và cùng phát triển với nó.

Sử dụng địa danh để tạo nên một nhãn hiệu thương mại nào đó cũng là một nét trong văn hóa sản xuất của người Đồng Nai. Trên thế giới, việc dùng địa danh để tạo dựng một nhãn hiệu rất phổ biến và có lịch sử lâu đời. “*Thậm chí những nền*

văn minh cổ đại như đế chế La Mã đã đóng vai trò như những thương hiệu theo các giá trị văn hóa, những nét đồng nhất và cả quyền lực của nó. Thịnh vượng, một hình ảnh nhân tạo về một địa danh có thể xây dựng nên được cả một sự thống nhất xuyên suốt lịch sử. Những địa danh đóng vai trò như các nhãn hiệu bởi vì mọi người đều muốn tự hào về nơi xuất xứ của mình” [10]. Chẳng hạn, quần Jean Pepe London, Custo Barcelona và nước khoáng Evian (đặt theo thị trấn của Evian-les-Bains). Trong ngành rượu vang, người ta thường nói mua một chai Roija (một nhãn hiệu địa danh) chứ không phải một chai Ramon Bibao (một nhãn hiệu thương mại).

Người Đồng Nai cũng tự hào về nơi xuất xứ của nhiều sản phẩm khá nổi tiếng và lấy chính tên địa danh của vùng đó làm thương hiệu. Mối quan hệ hai chiều giữa nhãn hiệu và địa danh vừa làm nổi bật những địa danh của tỉnh, vừa cho chúng ta biết được nhiều loại đặc sản có ở Đồng Nai như *bò sữa Long Thành, bưởi Tân Triều, trầu bai Bến Cá, thuốc lá Tân Huệ, gạo thơm Phước Khánh, tôm càng Tam An, trà Phú Hội, sầu riêng An Lợi, chuối già Long Tân, cá buôi sò huyết Phước An...* Bản thân cái tên “Đồng Nai” cũng có sức hấp dẫn riêng của nó khi tham gia vào vai trò của một nhãn hiệu thương mại chứ không chỉ riêng là một địa danh. Người ta không chỉ biết đến *tỉnh Đồng Nai, cầu Đồng Nai, sông Đồng Nai* mà người ta còn biết cả *báo Đồng Nai, báo Lao Động Đồng Nai, nhà sách Đồng Nai...*

5.3. Sự thể hiện của phương diện văn hóa vũ trang

Đồng Nai cũng là vùng đất ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử đã diễn ra trên địa bàn.

Có địa danh *núi Đầu Tây (TXLK)* là do khoảng năm 1936, đồng bào dân tộc Choro ở Suối Tre (An Lộc) đã nổi dậy đấu tranh, bắt và chặt đầu một tên Pháp gian ác Đờ-Lăng-Xoa đến cướp đất đuổi dân mở rộng đồn điền cao su An Lộc. Sau đó, đồng bào đã đem đầu tên Tây này cắm bên trên một ngọn núi nhỏ sau làng Cấp Rang để cảnh báo bọn giặc và đặt tên núi là Đầu Tây [1, tr.19].

Ngã ba Thái Lan (LT) là nơi mà trong thập niên 1960, có quân đội Thái Lan đóng gần ngã ba. *Ngã ba Chốt Mỹ (CM)* là nơi binh lính nước ngoài theo chân lính Mỹ đánh thuê trong cuộc chiến Việt Nam đóng tại đây.

Sân bay Biên Hòa (BH) được thực dân Pháp xây dựng trước năm 1945. Sau này, đế quốc Mỹ mở rộng thêm, biến nơi đây thành một sân bay quân sự chiến lược ở miền Nam. Nơi đây gắn liền với sự kiện quân dân cách mạng Đồng Nai tập kích sân bay Biên Hòa gây nhiều thiệt hại cho Mỹ - nguy.

Chiến khu Rừng Sác (NT) là căn cứ địa cách mạng từ đầu những năm kháng chiến chống Pháp. Nơi đây gắn liền với những chiến tích vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ: đánh chìm tàu quân sự của Pháp, trận tiến công tiêu diệt hai đội lính ở quận Cần Giuộc, đánh chìm tàu Victory của Mỹ tại rạch Thiềng Liềng...

Bên cạnh đó, nhiều nhân vật lịch sử của địa phương từng sinh sống trên vùng đất Đồng Nai đã đi vào địa danh: *đường Trịnh Hoài Đức, đường Huỳnh Văn Nghệ, đường Dương Tử Giang, đường Võ Tánh, đường Bùi Văn Hòa...* Lữ Mạnh nguyên là chiến sĩ trong đội xung phong cảm tử của quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa thành lập cuối năm 1945. Ông hi sinh năm 1948. Ông là liệt sĩ cách mạng người Hoa đầu tiên hi sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Biên Hòa. Chính quyền địa phương đã dùng tên ông để đặt tên đường.

Những địa danh mang dấu ấn lịch sử đều phản ánh văn hóa vũ trang trong quá trình dựng nước và giữ nước ở từng thời kì khác nhau của Đồng Nai. Những dấu ấn này đã phần nào nói lên mảnh đất Đồng Nai là vùng quê hương cách mạng, nơi ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.

Ba phương diện văn hóa sản xuất, văn hóa sinh hoạt, văn hóa vũ trang đều thể hiện khá rõ trong địa danh ở Đồng Nai. Chúng có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, giao thoa lẫn nhau, phản ánh nét văn hóa riêng trong địa danh ở Đồng Nai.

6. Kết luận

Thông qua các yếu tố và nguồn gốc ngôn ngữ, địa danh ở Đồng Nai đã thể hiện khá rõ nét đặc trưng tư duy của người dân Đồng Nai khi định danh các đối tượng địa lí: thường dựa vào các sự vật, hiện tượng gần gũi với con người để đặt địa danh và các sự vật, hiện tượng ấy được xử lí phù hợp với tâm lí, văn hóa của cư dân Việt. Các đặc trưng được chọn làm cơ sở đặt địa danh này gắn với các phương diện

văn hóa khác nhau của Đồng Nai. Đó là một vùng đất có nhiều sông rạch, người dân chủ yếu làm nông và phát triển các hoạt động công thương nghiệp, và họ luôn thể hiện mong ước giản dị về một cuộc sống bình yên, tươi đẹp...

Dấu ấn về văn hóa vật thể, phi vật thể cũng như các phương diện sinh hoạt, sản xuất và vũ trang xuất hiện ở các loại hình địa danh ở Đồng Nai phản ánh những thông tin về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của cộng đồng cư dân Đồng Nai. Qua địa danh, những thói quen trong sinh hoạt, sản xuất, phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Đồng Nai được thể hiện một cách chân thực; những dấu ấn lịch sử được thể hiện sinh động...

Kết quả của những quá trình di dân và tiếp xúc với nền văn hóa khác nhau của cư dân bản địa và các cư dân các vùng khác đã khiến cho Đồng Nai có sự đa dạng, phong phú về màu sắc văn hóa. Các nét văn hóa Việt, văn hóa Hán, văn hóa các dân tộc thiểu số và văn hóa Ấn Âu kết hợp hài hòa với nhau trong địa danh ở Đồng Nai.

Địa danh ở Đồng Nai đã phản ánh những yếu tố địa lí, lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo, tâm lí ứng xử của con người nơi đây. Nó giống như một tấm bia lịch sử ghi lại những dấu ấn văn hóa mang bản sắc riêng của vùng Đồng Nai. Qua đó, thấy được sự ảnh hưởng của văn hóa đối với ngôn ngữ nói chung, đối với địa danh nói riêng.